

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 14 – 4 – 2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Thế Xương  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Hồng Thùy  
Bà Huỳnh Thị Sang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Ngọc T, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số ACN/AH tổ X, ấp AH, thị trấn BT, huyện BT, tỉnh BT.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án):* Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm: 1998.

Địa chỉ: Số AUB ấp PH, xã PH, thành phố BT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị Kim Y, sinh năm: 1990

Địa chỉ: #ABCXYZ, Korea.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (nộp các tài liệu, chứng cứ và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án):* Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1996

Địa chỉ: Ấp TH 2, xã TT, huyện MCN, tỉnh BT.

(Ông T, bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2021, văn bản trình bày ý kiến ngày 01/3/2021 và đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 02/3/2021, nguyên đơn ông Trương Ngọc T trình bày:*

Năm 2017, ông tự nguyện đăng ký kết hôn với bà Ngô Thị Kim Y tại Ủy ban nhân dân thị trấn BT, huyện BT, tỉnh BT theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 17/04/2017. Trong quá trình chung sống, ông và bà Y có 01 con chung là cháu Trương Minh Q, sinh ngày 10/5/2019. Hiện tại, cháu Q đang sống cùng với ông tại xã An Hội, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trong quá trình ông và bà Y chung sống thì thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống. Từ ngay sau ngày đăng ký kết hôn thì ông và bà Y đã bắt đầu xảy ra cự cãi. Ông đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Ông và bà Y ly thân từ khoảng cuối tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn giữa ông và bà Y ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Ngô Thị Kim Y.

Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Minh Q, sinh ngày 10/5/2019 cho đến khi trưởng thành và yêu cầu bà Ngô Thị Kim Y phải cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Ông và bà Ngô Thị Kim Y tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Ngô Thị Kim Y không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc khá bận rộn, con còn nhỏ nên ông không thể sắp xếp trực tiếp tham gia giải quyết việc ly hôn được. Ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án cũng như vắng mặt trong tất cả phiên tòa của Tòa án các cấp.

*Theo bản tự khai ngày 29/3/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 29/3/2021, bị đơn bà Ngô Thị Kim Y trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Trương Ngọc T về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung và những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống với ông T. Bà nhận thấy sự bất đồng quan điểm trong cuộc sống giữa bà và ông T ngày càng gay gắt, hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được.

Về hôn nhân: Bà biết việc ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà đồng ý để ông Trương Ngọc T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Minh Q, sinh ngày 10/5/2019 cho đến khi trưởng thành và bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Bà và ông Trương Ngọc T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông Trương Ngọc T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ tranh chấp giữa ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y là ly hôn, nguyên đơn ông Trương Ngọc T đang ở Việt Nam, bị đơn bà Ngô Thị Kim Y hiện đang ở nước ngoài (Hàn Quốc) nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 29 ngày 17/4/2017 nên hôn nhân giữa ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Ông T và bà Y có cùng lời trình bày về quá trình chung sống, con chung và mâu thuẫn phát sinh của ông bà trong thời gian sống chung. Thấy rằng trong quá trình chung sống ông T và bà Y có 01 con chung là cháu Trương Minh Q sinh ngày 10/5/2019. Hiện tại, cháu Q đang sống cùng với ông T tại xã An Hội, thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông T và bà Y cùng trình bày trong thời gian sống chung ông bà phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống. Từ ngay sau ngày đăng ký kết hôn thì ông T và bà Y đã bắt đầu xảy ra cự cãi. Ông bà đã nhiều lần cố gắng nhằm duy trì mối quan hệ vợ chồng, mong hàn gắn tình cảm nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không thể chung sống và hòa hợp trở lại. Ông T và bà Y ly thân từ khoảng cuối tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Ông T và bà Y nhận thấy cuộc sống vợ chồng ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích và kết quả hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục chung sống sẽ gây thiệt hại cho cả hai bên. Ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y. Khi biết ông T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà Y cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy trong thời gian sống chung ông T và bà Y phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông bà

sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay, hiện tại ông T sống ở Việt Nam còn bà Y thì sống ở Hàn Quốc, cách xa nhau về khoảng cách địa lý, hai bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cả ông T và bà Y đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên thấy rằng việc ông T yêu cầu ly hôn với bà Y là có cơ sở và bà Y cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y đều trình bày ông bà có 01 con chung là cháu Trương Minh Q, sinh ngày 10/5/2019, hiện nay cháu Q đang sống chung với ông T. Ông T và bà Y tự nguyện thỏa thuận để ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và bà Y cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng. Xét thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5] Về nợ chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Ông Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của ông Trương Ngọc T.

Về hôn nhân: Ông Trương Ngọc T được ly hôn với bà Ngô Thị Kim Y.

Về con chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y có 01 con chung là cháu Trương Minh Q sinh ngày 10/5/2019, hiện nay cháu Q đang sống với ông Trương Ngọc T. Ghi nhận việc ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y tự nguyện thỏa thuận để ông Trương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Minh Q và bà Ngô Thị Kim Y cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trương Minh Q đủ 18 tuổi.

Bà Ngô Thị Kim Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Trương Ngọc T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Y.

Ông Trương Ngọc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Ngô Thị Kim Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Ông Trương Ngọc T và bà Ngô Thị Kim Y trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trương Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007353 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Ông Trương Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật; bà Ngô Thị Kim Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc ủy thác hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn Ba Tri;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Bùi Thế Xương**